| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ R**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2022
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Thịnh

Ông Cao Nho Dũng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh ngày: 21/01/1998; Nơi cư trú: Tổ dân phố PH, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn đề nghị xét xử văng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn L, sinh ngày: 05/3/1993; Nơi cư trú: Tổ dân phố PH, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2021 và bản tự khai ngày 16/4/2021, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:* Bà và ông Phan Văn L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 03/6/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do ông L theo bạn bè ăn chơi, sử dụng ma túy và đánh đập bà nên bà không còn tình cảm với ông L. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung Phan Văn C, sinh ngày: 18/8/2013 và Phan Thị Trúc L, sinh ngày: 19/8/2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông L không có.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2021 tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa bị đơn ông Phan Văn L trình bày: Hiện nay ông là học viên cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa. Ông và bà Lê Thị Thanh T tự nguyện kết hôn năm 2013, được Ủy ban nhân dân phường CP cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông và bà T bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã. Do những mâu thuẫn vợ chồng ông và bà T không còn chung sống với nhau từ khoảng năm 2017. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung đúng như bà T trình bày. Ông không đồng ý với yêu cầu của bà T; ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T. Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn ông L; về con chung: Giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Trích lục kết hôn số 73/TLKH-BS ngày 09/3/2021 (bản sao); Giấy khai sinh của 02 con chung (bản sao); Giấy tờ chứng minh nhân thân của nguyên đơn; Biên bản xác minh ngày 27/5/2021.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

*[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:*

Ngày 21/02/2022, nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông L nhưng ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

*[2] Về nội dung vụ án:*

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2013 và được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 03/6/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông L sử dụng chất ma túy nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Bà T và ông L không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông L, ông L đồng ý ly hôn. Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng ông L, bà L đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà T.

*[2.2] Về con chung:* Bà T và ông L có 02 con chung Phan Văn C, sinh ngày: 18/8/2013 và Phan Thị Trúc L, sinh ngày: 19/8/2015. Bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung; ông L không đồng ý và yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Bản thân ông L là người sử dụng ma túy và ngày 20/12/2021 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R ra Quyết định khởi tố vụ án số 04 đối với vụ án "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" quy định tại khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

*[2.3] Về tài sản chung:* Bà T và ông L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*[3] Về án phí:* Bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T**.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn ông Phan Văn L.

**2. Về con chung:** Bà Lê Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Phan Văn C, sinh ngày: 18/8/2013 và Phan Thị Trúc L, sinh ngày: 19/8/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

**3. Về tài sản chung:** Bà Lê Thị Thanh T và ông Phan Văn L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

**4. Về án phí:** Bà Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên L thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001244 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**5.** Bà Lê Thị Thanh T, ông Phan Văn L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường CP, t.p R, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Hồng Công**